

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH BẮC GIANG                              Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/DS - ST

Ngày 25 tháng 7 năm 2022

*V/v: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản".*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**\* Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông: Nguyễn Ánh Dương**

**\* Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

## 2. Ông Đào Xuân Hải.

\* *Thư ký phiên toà:* Ông Phạm Văn Nam – Thư ký Toà án nhân huyện Tân Yên.

\* *Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:* Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST - DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp : “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-DS ngày 20/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2022/QĐST-DS ngày 07/7/2022 (Án định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (có mặt)

Cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh B.

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh B.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Ngô Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh B.

\* Đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Văn T:

- Chi Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (có mặt)

Cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh B.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị có bán cám chăn nuôi cho anh Nguyễn Văn T từ năm 2012. Khi mua cám chăn nuôi của chị, anh T có nhiều lần nhận nợ tiền mua cám của chị, cụ thể như sau:

- Ngày 19/6/2012 anh T nợ 17.289.000 đồng.
- Ngày 19/11/2012 anh T nợ 10.629.000 đồng.
- Ngày 17/01/2013 anh T nợ 880.000 đồng + 546.000 đồng.
- Ngày 29/01/2013 anh T nợ 880.000 đồng.
- Ngày 27/12/2013 anh T nợ 1.365.000 đồng.
- Ngày 17/01/2013 anh T nợ 1.860.000 đồng.
- Ngày 04/02/2013 anh T nợ 546.000 đồng + 310.000 đồng.
- Ngày 18/02/2013 anh T nợ 1.911.000 đồng.
- Từ ngày 21/02/2013 đến ngày 23/3/2014 anh T nợ 10.725.000 đồng + 825.000 đồng.
- Từ ngày 29/3/2013 đến ngày 08/6/2014 anh T nợ 7.700.000 đồng + 7.700.000 đồng + 3.100.000 đồng.

Tổng số tiền mua cám anh T đã nợ là 67.631.000 đồng.

Ngày 07/5/2013 anh T đã trả chị 18.000.000 đồng, còn nợ 49.631.000 đồng.

Ngày 30/10/2019 chị cùng anh T đã chốt nợ với nhau và thống nhất anh T còn nợ chị số tiền là 50.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/12/2019 sẽ trả chị 20.000.000 đồng, đến ngày 30/5/2020 sẽ trả hết 30.000.000 đồng. Sau đó anh T ký tên nhận nợ này. Từ đó đến nay, anh T không trả tiền cho chị được lần nào.

Các lần giao nhận cám trên anh Nguyễn Văn T đã nhận đủ số lượng, chủng loại cám chăn nuôi và hai bên không tranh chấp gì về số lượng, chủng loại. Nay chị chỉ yêu cầu anh T phải trả chị số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất cơ bản của ngân hàng là 0,75%/tháng, tính từ ngày 30/5/2020 đến nay tính tròn là 02 năm 01 tháng là 9.375.000 đồng. Tổng số tiền chị yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả là 59.375.000 đồng.

Việc mua bán cám không liên quan đến tài sản chung vợ chồng với anh Ngô Văn T và không liên quan đến vợ anh Thiện.

\* Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 21/TB-TLVA, ngày 26/4/2022; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số: 23/QĐ-CCTLCC, ngày 10/5/2022; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 21/TB-TA ngày 18/5/2022 (lần 01); Thông báo về phiên họp hòa giải số: 21/TB-TA ngày 26/5/2022 (lần 02); Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/QĐXXST-DS, ngày 20/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2022/QĐST-DS ngày 07/7/2022 đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T nhưng anh T không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh Nguyễn Văn T là bị đơn.

\* Tại bản tự khai ngày 20/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Văn T trình bày:

Anh không liên quan đến việc mua bán cám chăn nuôi giữa vợ anh là chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Văn T. Việc kinh doanh mua bán cám chăn nuôi là tài sản, kinh tế riêng của vợ anh là Nguyễn Thị H.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn T không có mặt để tham gia. Các đương sự không thống nhất việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, anh Nguyễn Văn T không chấp hành đúng những quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 147 BLTTDS; Điều 430, Điều 434, khoản 3 Điều 440, Điều 357; khoản 2 Điều 468, Điều 688 BLDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền mua bán cám còn nợ là 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ lần 2 đối với anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Quá trình giải quyết vụ án này thì đương sự đã được tổng đạt hợp lệ các Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về yêu cầu cung cấp toàn bộ các giấy tờ liên quan việc thanh toán nợ, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Văn T và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án nhưng anh Nguyễn Văn T không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên anh T phải chịu hậu quả pháp lý.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nay chị Nguyễn Thị H kiện đòi anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/5/2020 đến nay là 9.375.000 đồng. Tổng số tiền chị yêu cầu trả là 59.375.000 đồng.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Anh Nguyễn Văn T ký nhận trong sổ theo dõi chốt nợ của chị Nguyễn Thị H ghi ngày 30/10/2019 dương lịch. Anh T hẹn đến ngày 30/12/2019 dương lịch sẽ trả 20.000.000 đồng, đến ngày 30/5/2020 dương

lịch sẽ trả hết nợ. Sau ngày 30/12/2019 dương lịch đến nay anh T không trả được nợ gốc. Như vậy việc khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với khoản nợ tiền mua cầm chót vào ngày 30/10/2019 dương lịch là nằm trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[5] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là sổ theo dõi nợ có chữ viết, chữ ký xác nhận nợ của anh Nguyễn Văn T ghi ngày 30/10/2019 dương lịch với chị Nguyễn Thị H.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Nguyễn Văn T viết và ký nhận nợ từ ngày 30/10/2019 dương lịch đối với số tiền 50.000.000 đồng, hẹn đến 30/5/2020 trả hết.

Căn cứ vào chứng cứ là giấy chót nợ ngày 30/10/2019 dương lịch có khoản nợ trên phù hợp lời khai của chị H là người anh T nợ tiền cầm chẵn nuôi. Anh T đã được Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh liên quan đến việc thanh toán nợ này nên có cơ sở xác định anh T là người giao dịch mua bán cầm chẵn nuôi với chị H và hẹn ngày trả nợ cuối cùng là 30/5/2020 dương lịch. Đến hạn 30/5/2020 dương lịch anh T chưa trả chị H tổng số tiền nợ 50.000.000 đồng này. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và buộc anh T trả nợ chị H tổng số tiền nợ mua cầm chẵn nuôi là 50.000.000 đồng là có cơ sở như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[7] Về lãi suất của số tiền vay gốc: Nay chị H chỉ yêu cầu anh T trả tiền lãi theo lãi suất cơ bản của ngân hàng là 0,75%/tháng, tính từ ngày 31/5/2020 đến nay tính tròn là 02 năm 01 tháng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự và hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được xem xét:

$50.000.000 \text{ đồng nợ gốc} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng} = 9.375.000 \text{ đồng tiền lãi.}$

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh T (chồng chị H), vợ anh Thiện không liên quan đến tài sản chung vợ chồng, không liên quan đến việc mua bán cầm nên không đưa vào tham gia tố tụng là đúng.

Ngoài ra, chị H không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

\* Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 430, Điều 434, khoản 3 Điều 440, Điều 357; khoản 2 Điều 468, Điều 688 BLDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả chị Nguyễn Thị H tổng số tiền là 59.375.000 đồng (Trong đó: nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 9.375.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 2.968.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H 1.663.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0011547 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ánh Dương**